Getting Started – Bắt Đầu:

1. Cách cài đặt?

* Vào Link
* <https://download.com.vn/download/blender-15961?linkid=1>
* Click “Nhấn vào đây” + chờ nó tải + mở File vừa tải + tiến hành cài đặt
* Khi này, trong thư mục “C:\Program Files\” sẽ xuất hiện thư mục “Blender Foundation”, trong đây sẽ chứa các thư mục là các phiên bản Blender khác nhau bạn đã tải, ví dụ phiên bản 3.5 sẽ nằm trong thư mục “Blender 3.5”, trong đây sẽ chứa File EXE “blender-launcher”, chạy File này để bắt đầu sử dụng Blender mặc định, ngoài ra còn có File EXE “blender”, nếu bạn muốn Pass các tham số khởi đầu cho chương trình thì chạy File này trên CMD

1. Phần Mở Rộng File Blender?

* “.blend”

1. Cấu Trúc Cửa Sổ?

* Một lúc chỉ có thể làm việc trên 1 File Blender
* Gồm 4 phần
* Thanh trên cùng là thanh tiêu đề, ghi đường dẫn tới File đang làm việc
* Thanh bên dưới là thanh công cụ
* Phần to nhất ở giữa là cửa sổ làm việc, trong cửa sổ làm việc, ta có thể phân chia thành nhiều cửa sổ con khác nhau
* Thanh dưới cùng là thanh thông tin, ghi phiên bản Blender và giải thích chức năng các phím chuột khi bạn di lên 1 phần tử nào đấy trong cửa sổ làm việc
* 1 File Blender gồm nhiều Scene, mỗi Scene sẽ có các thuộc tính riêng như Scene Collection chứa các Collection, View Layers chứa các điểm nhìn khác nhau, ví dụ ở View Layer này Object bị ẩn, ở View Layer khác thì không, …
* Blender cùng lúc chỉ làm việc được trên 1 Scene được chọn

1. Thanh Công Cụ?

* Thanh công cụ gồm 3 phần
* Phần bên trái cùng, gọi là thanh hoa tiêu
* Phần ở giữa, gọi là thanh bố cục
* Phần bên phải cùng, gọi là thanh tầm nhìn
* Về thanh bố cục
* Mặc định nó sẽ gồm các Tab “Layout”, “Modeling”, … cho đến “Scripting” và kèm theo biểu tượng dấu cộng bên phải cùng, gọi là biểu tượng “Add Workspace”
* Mặc định bạn sẽ ở Tab “Layout”, mỗi Tab sẽ có cách bố trí riêng các cửa sổ con trong cửa sổ làm việc, bạn có thể chuyển qua lại giữa các Tab và thay đổi cách bố trí mặc định của các Tab
* Bạn có thể đổi tên các Tab bằng cách Double Click vào Tab + gõ lại tên + Click ra ngoài
* Các Tab không được phép trùng tên
* Bạn có thể thêm 1 Tab bằng cách Click vào biểu tượng “Add Workspace” + vào 1 trong 5 mục được liệt kê ra và chọn 1 cách bố trí nào đó hoặc Click “Duplicate Current” nếu muốn Copy Tab đang chọn + tiến hành đổi tên lại Tab nếu muốn và chỉnh sửa lại bố trí của Tab nếu muốn
* Về thanh tầm nhìn
* Nó sẽ chỉ định Scene làm việc hiện tại và View Layer hiện tại
* Để tạo 1 Scene mới, Click biểu tượng “New Scene” ở giữa + chọn 1 trong 4 tùy chọn + khi này 1 Scene mới được tạo ra và bạn sẽ được chuyển sang làm việc trên Scene này
* Để đổi tên Scene làm việc hiện tại, Click vào ô “Name” + chỉnh lại tên + Click ra ngoài
* Để xóa Scene làm việc hiện tại, Click vào biểu tượng “Delete Scene” hình dấu X
* Để chuyển sang làm việc trên Scene khác, Click biểu tượng bên trái cùng + Click vào tên Scene mong muốn
* Nửa bên phải thanh tầm nhìn là của View Layers, cách hoạt động tương tự như những gì đã liệt kê ở trên
* Về thanh hoa tiêu
* Để mở 1 File Blender mới và đóng File Blender hiện tại, vào Tab “File” + Click “Open…” + cửa sổ mở File hiện ra + thiết lập 1 số cài đặt bạn muốn trong cửa sổ này + chọn File bạn muốn mở + Click “Open”
* Về cửa sổ mở File
* Nó sẽ có 1 thuộc tính quan trọng là thư mục đang dò, thuộc tính này không bị làm mới khi bạn đóng Blender và mở lại, mặc định khi mở cửa sổ mở File, thư mục đang dò = thư mục làm việc hiện tại
* Cửa sổ mở File bao gồm 4 phần
* Phần bên trái, gọi là các ổ chứa, gồm 4 ổ
* Ổ “Volumes”, liệt kê các phân vùng trên máy bạn, Click vào chúng sẽ chuyển thư mục đang dò thành phân vùng tương ứng, ví dụ “C:\”
* Ổ “System”, liệt kê các đường dẫn hệ thống, ví dụ “C:\User\pc\”
* Ổ “Bookmarks”, liệt kê các đường dẫn bạn đã lưu, không bị mất khi bạn đóng và mở lại Blender
* Ổ “Recent”, liệt kê các đường dẫn bạn truy cập thường xuyên
* Để thêm thư mục đang dò vào ổ “Bookmarks”, Click dấu cộng ở thanh bên phải ổ này, tương tự để xóa 1 đường dẫn trong ổ này, chọn đường dẫn + Click dấu trừ bên dưới dấu cộng
* Mỗi ổ sẽ có 1 biểu tượng tam giác góc trái dưới, nó hoạt động như thanh tìm kiếm
* Thanh trên cùng ở phần bên phải, gọi là thanh đường dẫn, bao gồm các phần sau
* Ô ở giữa hiện thư mục đang dò
* Biểu tượng mũi tên móc lên trên ở bên trái, Click vào nó để đưa thư mục đang dò lên 1 bậc
* Biểu tượng bánh răng bên phải cùng, Click vào nó để ẩn hoặc hiện thanh cài đặt, trong thanh cài đặt sẽ có 1 thuộc tính quan trọng là “Load UI”, nó mặc định được Tick mỗi khi cửa sổ mở File được mở, nếu bỏ Tick và mở File, thì File được mở sẽ sử dụng cách bố trí mặc định, nghĩa là việc bạn chỉnh sửa các Tab ở thanh bố cục sẽ được làm mới hết, còn nếu Tick thì vẫn giữ lại những gì bạn đã chỉnh sửa
* Thanh dưới cùng ở phần bên phải, gọi là thanh tên File
* Phần không gian ở giữa ở phần bên phải, chứa danh sách File và thư mục bên trong thư mục đang dò

1. Làm Việc Với Cửa Sổ Làm Việc?

* Nếu có 2 cửa sổ con cùng loại trong cửa sổ làm việc, thì chỉnh sửa cửa sổ con này sẽ ngay lập tức cửa sổ con kia cũng bị chỉnh sửa theo
* Để tạo 1 cửa sổ con cùng loại cửa sổ con A, di chuột lên 1 trong 4 góc của cửa sổ con A cho đến khi con trỏ chuột biến thành hình 4 gạch dấu cộng + kéo thả
* Để hợp nhất 2 cửa sổ con A và B kề nhau, nghĩa là xóa cửa sổ con B và khiến cửa sổ con A chiếm phần không gian của cửa sổ con bị xóa, di chuột lên 1 trong 4 góc của cửa sổ con A cho đến khi con trỏ chuột biến thành hình 4 gạch dấu cộng + kéo thả vào cửa sổ con B, hoặc bạn kéo vào cửa sổ con B rồi kéo lại vào cửa sổ con A rồi mới thả, thì A sẽ là thằng bị xóa còn B là thằng mở rộng
* Mỗi cửa sổ con đều có biểu tượng góc trái trên, đại diện cho loại cửa sổ của nó, để chuyển sang loại khác, Click vào biểu tượng này + vào 1 trong 4 nhóm cửa sổ “General”, “Animation”, “Scripting”, “Data” + chọn loại cửa sổ mong muốn

1. Cửa Sổ Cài Đặt?

* Để mở cửa sổ cài đặt, vào Tab “Edit” ở thanh hoa tiêu + chọn “Preferences…” + cửa sổ cài đặt mở ra, những chỉnh sửa đã lưu trong đây sẽ không bị làm mới khi đóng và mở lại Blender
* Cửa sổ cài đặt gồm 2 phần
* Phần bên trái, gọi là thanh tùy chọn cài đặt
* Phần bên phải, khác nhau ở mỗi Tab của thanh tùy chọn cài đặt
* Về Tab “Input”, là cài đặt dành cho chuột và bàn phím
* Để mô phỏng việc bạn nhấn giữ nút cuộn chuột bằng cách nhấn “Alt” + nhấn giữ trái chuột, tại mục “Mouse” + Tick “Emulate 3 Button Mouse”
* Về Tab “Interface”, là cài đặt dành cho giao diện Blender
* Để phóng to thu nhỏ chữ, con trỏ chuột, và tất cả thứ khác ở giao diện, tại mục “Display” + chỉnh “Resolution Scale”

Script:

1. Cửa Sổ Con Text Editor?

* Thuộc nhóm cửa sổ “Scripting”
* Nhấn “Shift” + “F11” để chuyển sang Text Editor từ loại cửa sổ bất kì
* Gồm 3 phần
* Thanh trên cùng là thanh công cụ Text Editor
* Thanh dưới cùng là thanh đường dẫn
* Phần ở giữa là khu vực soạn thảo
* Đoạn Code của bạn có thể được lưu nội bộ trong File Blender hoặc lưu ở File ngoài
* Để chạy Code, đặt con trỏ chuột vào cửa sổ con Text Editor + nhấn “Alt” + “P”

1. Cửa Sổ Con Python Console?

* Thuộc nhóm cửa sổ “Scripting”
* Nhấn “Shift” + “F4” để chuyển sang Python Console từ loại cửa sổ con bất kì
* Gồm 3 phần
* Thanh trên cùng là thanh công cụ Console
* Thanh dưới cùng là thanh nhập lệnh
* Phần ở giữa là màn hình Output
* Bạn có thể dùng các Blender API tại đây bình thường như khi viết trong Text Editor

1. Cửa Sổ System Console?

* Là màn hình Output của lệnh chạy trong Text Editor và cũng là nơi thông báo lỗi
* Để ẩn hoặc hiện cửa sổ System Console, vào Tab “Window” trên thanh hoa tiêu + chọn “Toggle System Console”

3D Viewport:

1. Cửa Sổ Con 3D Viewport?

* Thuộc nhóm cửa sổ “General”
* Nhấn “Shift” + “F5” để chuyển sang 3D Viewport từ loại cửa sổ con bất kì
* Gồm 7 phần
* Thanh ngang trên cùng ở bên trái, gọi là thanh hoa tiêu
* Thanh dọc bên tay trái, gọi là thanh biến dạng, ứng với mỗi Tab của thanh biến dạng, sẽ có 1 thanh tương ứng ở dưới thanh hoa tiêu, gọi là thanh công cụ biến dạng
* Thanh ngang trên cùng ở giữa, gọi là thanh hệ trục
* Thanh ngang trên cùng bên phải, gọi là thanh Viewport
* Thanh dọc bên phải, gọi là thanh tầm nhìn
* Panel bên phải, mặc định bị ẩn, gọi là thanh Viewport Panel, để ẩn hoặc hiện nó, nhấn “N”
* Phần không gian ở giữa, gọi là Viewport
* Về phần Viewport
* Để phóng to thu nhỏ, cuộn chuột
* Để quay góc nhìn, nhấn giữ nút cuộn chuột rồi kéo thả
* Để chọn Object A và bỏ chọn tất cả các Object đã chọn, Click trái chuột vào A
* Để chọn tất cả Object trong Scene hiện tại, nhấn “A”
* Để bỏ chọn tất cả Object, Click trái chuột vào vùng không gian trống
* Để tịnh tiến điểm nhìn, nhấn giữ “Shift” + nhấn giữ cuộn chuột và kéo thả
* Về thanh tầm nhìn
* Nó có 1 hệ trục tọa độ thu nhỏ Oxyz ở trên cùng, bạn có thể Click chuột vào rồi kéo thả để quay góc nhìn, bạn cũng có thể Click vào vòng tròn ở đầu mỗi tia như X, Y, Z, -X, -Y, -Z để thay đổi điểm nhìn từ Viewport, ví dụ nếu Click X thì mắt bạn đang nhìn với hướng là tia đối của tia Ox
* Về thanh Viewport
* Tại phần Viewport sẽ có 4 chế độ hiển thị là “Wireframe”, “Solid”, “Material Preview” và “Rendered”, để chuyển đổi qua lại giữa các chế độ này, Click vào biểu tượng hình trái đất tương ứng trong dãy 4 biểu tượng trái đất
* Về Camera
* Một Scene có thể có nhiều Camera, và trong số chúng chỉ có 1 cái Active
* Để chuyển tầm nhìn vào Active Camera, nhấn “0”
* Để chỉ định Camera đang được chọn là Active, nhấn “Ctrl” + “0”, khi này bạn cũng sẽ được chuyển sang tầm nhìn của Camera này luôn
* Về Viewport Panel
* Nó gồm 3 Tab là “Item”, “Tool” và “View”
* Để khóa tầm nhìn Camera, nghĩa là khi bạn đang ở tầm nhìn của Camera và thay đổi điểm nhìn tại Viewport, thì Camera cũng di chuyển theo, vào Tab “View” + tại mục “View Lock” + Tick “Camera to View”

Outliner:

1. Cửa Sổ Con Outliner?

* Thuộc nhóm cửa sổ “Data”
* Nhấn “Shift” + “F9” để chuyển sang Outliner từ loại cửa sổ con bất kì
* Gồm 2 phần
* Thanh trên cùng là thanh tùy chọn
* Phần bên dưới sẽ hiển thị cấu trúc tổng thể của File Blender, các hiển thị khác nhau tùy vào tùy chọn ở thanh tùy chọn

Properties:

1. Cửa Sổ Con Properties?

* Thuộc nhóm cửa sổ “Data”
* Nhấn “Shift” + “F7” để chuyển sang Properties từ loại cửa sổ con bất kì
* Gồm 3 phần
* Thanh ngang trên cùng là thanh tìm kiếm
* Thanh dọc bên trái là thanh thuộc tính
* Phần không gian ở giữ sẽ khác nhau tùy theo Tab ở thanh thuộc tính, gọi là vùng tùy chỉnh thuộc tính

1. Modifier?

* Vào Tab “Modifier Properties”
* Gồm 3 phần
* Thanh trên cùng là thanh tên Object
* Thanh ở dưới là thanh tùy chọn thêm Modifier
* Phần không gian phía dưới sẽ chứa các Modifier của Object được chọn, gọi là danh sách Modifier

Graph Editor:

1. Cửa Sổ Con Graph Editor?

* Thuộc nhóm cửa sổ “Animation”
* Nhấn “Shift” + “F6” để chuyển sang Graph Editor từ loại cửa sổ con bất kì
* Gồm 4 phần
* Thanh trên cùng là thanh công cụ đồ thị
* Thanh bên trái là thanh thuộc tính hoạt ảnh
* Panel bên phải là Graph Panel
* Phần ở giữa là không gian đồ thị
* Về không gian đồ thị
* Có 2 trục, trục nằm ngang phía trên là mốc các thời điểm, trục dọc bên trái là giá trị thuộc tính

1. Offset 1 Đường Đồ Thị Lên Xuống 1 Khoảng Nào Đó?

* Chọn tất cả Key Frame của đường đồ thị + nhấn phím “G” + “Y” + nhập giá trị Offset

1. Cách Chọn Tất Cả Key Frame Của 1 Đường Đồ Thị?

* Ẩn toàn bộ đường đồ thị = cách nhấn hình con mắt + hiện đường đồ thị muốn chọn Keyframe = cách nhấn lại hình con mắt của đồ thị đó + nhấn phím “A”

Material:

1. Áp Dụng Tất Cả Material Của 1 Đối Tượng Cho Nhiều Đối Tượng Khác?

* Chọn tất cả đối tượng muốn áp dụng Material sao cho đối tượng chứa Material gốc được chọn cuối cùng + vào Tab “Object” + chọn thẻ “Make Links” + Click “Materials”
* Khi này, bộ Material của tất cả đối tượng sẽ y đúc nhau

Object:

1. Cách Thế Nhiều Object Thành 1 Object Nào Đó

* Chọn tất cả Object muốn thế sao cho Object dùng để thế được chọn cuối cùng + vào Tab “Object” + chọn thẻ “Make Links” + Click “Object Data”

1. Cách Copy Vị Trí Của 1 Object Cho Nhiều Object Khác?

* Chọn tất cả Object sao cho Object có vị trí dùng để Copy được chọn cuối cùng + nhấn “Ctrl” + “C” + chọn “Copy Location”

Render:

1. Các Thông Số Cần Điều Chỉnh?

* Bỏ Tick “Open Shading Language” để Render nhanh hơn
* “Start Frame” và “End Frame” sẽ xác định ta Render trong khoảng nào
* Ví dụ
* “Start Frame” = 3, “End Frame” = 7, thì các Frame được Render là 3, 4, 5, 6, 7
* “Output File Path” sẽ xác định ta lưu File ở đâu, với tên gì
* Ví dụ
* “Output File Path” = “D:/foo” thì đường dẫn tới ảnh là “D:/foo.png”
* “Render Samples” xác định độ chống nhiễu, đặt thấp thôi, = 10 là được
* Bỏ Tick “Caustics” để Render nhanh hơn
* “Tiles” xác định 1 ô Render rộng bao nhiêu, đặt 512 x 512 cho nhanh

1. Cách Render 1 Phần Của Khung Ảnh Và Những Phần Còn Lại Trong Suốt?

* Nhấn “0” để chuyển sang Camera + nhấn “Ctrl” + “B” + kéo thả để xác định phần cần Render + vào Tab “Render” + Tick “Border” + tiến hành Render
* Để trở lại như cũ, nhấn “0” để chuyển sang Camera + nhấn “Ctrl” + “Alt” + “B”

Short Cuts – Các Phím Tắt:

1. Tạo Key Frame?

* “I”

1. Chọn Nhiều Đối Tượng?

* “B”